



「관광법」

[법률 제09/2017/QH14호, 2017.6.19., 전부개정]

□ 개 요

2017년 6월 19일 베트남 사회주의공화국 제14대 국회 제3차 회기에
서 통과된 신 관광법은 2018년 1월 1일부로 시행되었으며, 이 법의
시행으로 구 관광법 제44/2005/QH11호는 자동 폐지되었다. 이 법은
총 9장 78조로 구성되어 있으며, 관광 원칙, 관광상품 개발, 관광 활
동, 관광 사업에 종사하는 개인 및 단체의 권리와 의무에 관하여 규
정하고 있다. 이 법은 베트남 영토 및 외국에서 관광 활동을 하는 개
인·기관 및 단체, 베트남 영토에서 관광활동을 하는 외국 개인 및 단
체, 관광에 관련된 활동을 하는 개인·단체·거주민 공동체·기타 기관,
관광에 관련된 국가 관리 기관에 적용된다.

□ 목 차

원문	번역문
Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG Điều 1. Phạm vi điều chỉnh Điều 2. Đối tượng áp dụng Điều 3. Giải thích từ ngữ Điều 4. Nguyên tắc phát triển du	제1장 총칙 제1조 조정범위 제2조 적용대상 제3조 용어해설 제4조 관광개발원칙



lich Điều 5. Chính sách phát triển du lịch Điều 6. Sự tham gia của cộng đồng dân cư trong phát triển du lịch Điều 7. Tổ chức xã hội – nghề nghiệp về du lịch Điều 8. Bảo vệ môi trường du lịch Điều 9. Các hành vi bị nghiêm cấm trong hoạt động du lịch Chương II KHÁCH DU LỊCH Điều 10. Các loại khách du lịch Điều 11. Quyền của khách du lịch Điều 12. Nghĩa vụ của khách du lịch Điều 13. Bảo đảm an toàn cho khách du lịch Điều 14. Giải quyết kiến nghị của khách du lịch Chương III TÀI NGUYÊN DU LỊCH, PHÁT TRIỂN SẢN PHẨM DU LỊCH VÀ QUY HOẠCH VỀ DU LỊCH Mục 1 TÀI NGUYÊN DU LỊCH Điều 15. Các loại tài nguyên du lịch Điều 16. Điều tra tài nguyên du lịch Điều 17. Trách nhiệm quản lý, bảo vệ và khai thác tài nguyên du lịch Mục 2	제5조 관광발전정책 제6조 관광발전 시 거주민 공동체의 참여 제7조 관광에 관한 사회-직업단체 제8조 관광환경보호 제9조 관광활동 시 엄격히 금지되는 행위 제2장 관광객 제10조 관광객 유형 제11조 관광객의 권리 제12조 관광객의 의무 제13조 관광객을 위한 안전보장 제14조 관광객의 건의 해결 제3장 관광자원, 관광상품 개발 및 관광에 관한 기본계획 제1절 관광자원 제15조 관광자원 종류 제16조 관광자원 조사 제17조 관광자원 관리, 보호 및 개척 책임 제2절
--	--



PHÁT TRIỂN SẢN PHẨM DU LỊCH Điều 18. Xây dựng, phát triển sản phẩm du lịch Điều 19. Phát triển du lịch cộng đồng Mục 3 QUY HOẠCH VỀ DU LỊCH Điều 20. Nguyên tắc lập quy hoạch về du lịch Điều 21. Nội dung quy hoạch về du lịch Điều 22. Lập, quản lý và thực hiện quy hoạch về du lịch Chương IV ĐIỂM DU LỊCH, KHU DU LỊCH Điều 23. Điều kiện công nhận điểm du lịch Điều 24. Hồ sơ, trình tự, thủ tục, thẩm quyền công nhận điểm du lịch Điều 25. Quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân quản lý điểm du lịch Điều 26. Điều kiện công nhận khu du lịch Điều 27. Hồ sơ, trình tự, thủ tục, thẩm quyền công nhận khu du lịch cấp tỉnh Điều 28. Hồ sơ, trình tự, thủ tục, thẩm quyền công nhận khu du lịch quốc gia Điều 29. Quản lý khu du lịch Chương V KINH DOANH DU LỊCH	관광상품 개발 제18조 관광상품 구축, 개발 제19조 지역공동체관광 개발 제3절 관광에 관한 기본계획 제20조 관광에 관한 기본계획 수립원칙 제21조 관광에 관한 기본계획 내용 제22조 관광에 관한 기본계획 수립, 관리 및 실행 제4장 관광지, 관광구역 제23조 관광지 공인 조건 제24조 관광지 공인 서류, 순서, 절차, 심사 제25조 관광지를 관리하는 개인, 단체의 권리 및 의무 제26조 관광구역 공인 조건 제27조 성급 관광구역 공인 서류, 순서, 절차, 심사 제28조 국가관광구역 공인 서류, 순서, 절차, 심사 제29조 관광구역 관리 제5장 관광사업
---	---



Mục 1 DỊCH VỤ LỮ HÀNH Điều 30. Phạm vi kinh doanh dịch vụ lữ hành Điều 31. Điều kiện kinh doanh dịch vụ lữ hành Điều 32. Hồ sơ, trình tự, thủ tục, thẩm quyền cấp Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa Điều 33. Hồ sơ, trình tự, thủ tục, thẩm quyền cấp Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành quốc tế Điều 34. Cấp lại giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành Điều 35. Cấp đổi giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành Điều 36. Thu hồi giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành Điều 37. Quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành Điều 38. Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài kinh doanh dịch vụ lữ hành Điều 39. Hợp đồng lữ hành Điều 40. Kinh doanh đại lý lữ hành Điều 41. Hợp đồng đại lý lữ hành Điều 42. Trách nhiệm của bên giao đại lý lữ hành Điều 43. Trách nhiệm của đại lý lữ hành Điều 44. Văn phòng đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài Mục 2 VẬN TẢI KHÁCH DU LỊCH	제1절 여행서비스 제30조 여행서비스사업 범위 제31조 여행서비스사업 조건 제32조 국내여행서비스사업허가서 발급 서류, 순서, 절차, 심사 제33조 국제여행서비스사업허가서 발급 서류, 순서, 절차, 심사 제34조 여행서비스사업허가서 재발급 제35조 여행서비스사업허가서 교체발급 제36조 여행서비스사업허가서 회수 제37조 여행서비스사업기업의 권리 및 의무 제38조 여행서비스사업을 영위하는 외국투자자본이 투입된 기업 제39조 여행계약 제40조 여행대리점 사업 제41조 여행대리점 계약 제42조 여행대리점 가맹점의 책임 제43조 여행대리점의 책임 제44조 외국여행서비스사업기업의 베트남 내 대표사무소 제2절 관광객 운송
--	---



Điều 45. Kinh doanh vận tải khách du lịch

Điều 46. Cấp biển hiệu phương tiện vận tải khách du lịch

Điều 47. Quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân kinh doanh vận tải khách du lịch

Mục 3

LƯU TRÚ DU LỊCH

Điều 48. Các loại cơ sở lưu trú du lịch

Điều 49. Điều kiện kinh doanh dịch vụ lưu trú du lịch

Điều 50. Xếp hạng cơ sở lưu trú du lịch

Điều 51. Công bố, kiểm tra chất lượng cơ sở lưu trú du lịch

Điều 52. Thu hồi quyết định công nhận hạng, thay đổi hạng cơ sở lưu trú du lịch

Điều 53. Quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân kinh doanh dịch vụ lưu trú du lịch

Mục 4

DỊCH VỤ DU LỊCH KHÁC

Điều 54. Các loại dịch vụ du lịch khác

Điều 55. Phát triển các loại dịch vụ du lịch khác

Điều 56. Công nhận cơ sở kinh doanh dịch vụ du lịch khác đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch

Điều 57. Quyền và nghĩa vụ của cơ sở kinh doanh dịch vụ du lịch khác được công nhận đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch

제45조 관광객 운송사업

제46조 관광객 운송수단 표지판 발급

제47조 관광객 운송사업을 하는 개인, 단체의 권리 및 의무

제3절

관광체류(숙박)

제48조 관광체류시설 종류

제49조 관광체류서비스사업 조건

제50조 관광체류시설 분류

제51조 관광체류시설 품질 검사, 공표

제52조 관광체류시설등급 공인, 교체 결정 철회

제53조 관광체류서비스사업을 하는 개인, 단체의 권리 및 의무

제4절

기타 관광서비스

제54조 기타 관광서비스 유형

제55조 기타 관광서비스 유형의 개발

제56조 관광객서비스표준에 부합하는 기타 관광서비스사업시설 공인

제57조 관광객서비스표준에 부합하는 공인된 기타 관광서비스사업시설의 권리 및 의무



Chương VI HƯỚNG DẪN VIÊN DU LỊCH Điều 58. Hướng dẫn viên du lịch, thẻ hướng dẫn viên du lịch Điều 59. Điều kiện cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch Điều 60. Hồ sơ, trình tự, thủ tục, thẩm quyền cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch quốc tế, thẻ hướng dẫn viên du lịch nội địa Điều 61. Hồ sơ, trình tự, thủ tục, thẩm quyền cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch tại điểm Điều 62. Cấp đổi thẻ hướng dẫn viên du lịch Điều 63. Cấp lại thẻ hướng dẫn viên du lịch Điều 64. Thu hồi thẻ hướng dẫn viên du lịch Điều 65. Quyền và nghĩa vụ của hướng dẫn viên du lịch Điều 66. Trách nhiệm quản lý hướng dẫn viên du lịch	제6장 관광안내원 제58조 관광안내원, 관광안내원증 제59조 관광안내원증 발급조건 제60조 국제관광안내원증, 국내관광안내원증 발급 서류, 순서, 절차, 심사 제61조 지점의 관광안내원증 발급 서류, 순서, 절차, 심사 제62조 관광안내원증 교체발급 제63조 관광안내원증 재발급 제64조 관광안내원증 회수 제65조 관광안내원의 권리 및 의무 제66조 관광안내원의 관리책임
Chương VII XÚC TIẾN DU LỊCH, QUỸ HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN DU LỊCH Mục 1 XÚC TIẾN DU LỊCH Điều 67. Nội dung xúc tiến du lịch Điều 68. Hoạt động xúc tiến du lịch Điều 69. Thành lập văn phòng đại diện tại Việt Nam của cơ quan du lịch nước ngoài, tổ chức du lịch quốc tế và khu vực Mục 2	제7장 관광촉진, 관광개발지원기금 제1절 관광촉진 제67조 관광촉진 내용 제68조 관광촉진 활동 제69조 외국관광기관, 국제 및 지역 관광단체의 베트남 내 대표사무소 설립 제2절



QUỸ HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN DU LỊCH Điều 70. Thành lập Quỹ hỗ trợ phát triển du lịch Điều 71. Mục đích của Quỹ hỗ trợ phát triển du lịch Điều 72. Nguyên tắc hoạt động của Quỹ hỗ trợ phát triển du lịch Chương VIII QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ DU LỊCH Điều 73. Trách nhiệm quản lý nhà nước về du lịch của Chính phủ Điều 74. Trách nhiệm quản lý nhà nước về du lịch của Bộ, cơ quan ngang Bộ Điều 75. Trách nhiệm quản lý nhà nước về du lịch của Ủy ban nhân dân các cấp Chương IX ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH Điều 76. Sửa đổi, bổ sung Danh mục phí, lệ phí ban hành kèm theo Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 Điều 77. Hiệu lực thi hành Điều 78. Quy định chuyển tiếp	관광개발지원기금 제70조 관광개발지원기금 설립 제71조 관광개발지원기금의 목적 제72조 관광개발지원기금의 운용 원칙 제8장 관광에 관한 국가 관리 제73조 정부의 관광에 관한 국가 관리 책임 제74조 부, 부급 기관의 관광에 관한 국가 관리 책임 제75조 각급 인민위원회의 관광에 관한 국가 관리 책임 제9장 시행조항 제76조 요금 및 수수료법 제 97/2015/QH13호에 부속되어 발행된 요금, 수수료 목록 수정, 보충 제77조 시행효력 제78조 경과규정
--	---